

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đồng Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trọng Di.
2. Ông Lê Hưng Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm 7, thôn V, xã V1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 7, thôn V, xã V1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Tiến M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện Tuy Phong theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 01 ngày 08/7/2009. Thời gian đầu vợ chồng còn hạnh phúc nhưng từ năm 2021 ông M ngoại tình, bà Đ nhiều lần khuyên nhưng ông M không nghe mà còn nhiều lần đánh bà Đ. Bà Đ và ông M không còn chung sống như vợ chồng hơn 01 năm nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Bà Trần Thị Đ ly hôn ông Nguyễn Tiến M.

+ Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đ và ông M có 03 con chung là Nguyễn Trần Thành H sinh ngày 14/11/2008, Nguyễn Trần Thành N1 sinh ngày 19/10/2009, Nguyễn Trần Thành N sinh ngày 22/5/2018, bà Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Bà Đ rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, nay chỉ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ rút yêu cầu khởi kiện, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn Nguyễn Tiến M và biên bản lấy lời khai cùng ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, ông M trình bày: Đồng ý ly hôn bà Trần Thị Đ; Về con chung: Đồng ý giao 03 con chung là Nguyễn Trần Thành H, Nguyễn Trần Thành N1, Nguyễn Trần Thành N cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn; Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều từ chối nhận và không có mặt tại tòa.

Ngày 25/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh tại thôn V, xã V1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, kết quả như sau: Ông Nguyễn Tiến M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 7, thôn V, xã V1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Từ năm 2021 ông M ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông M, bà Đ không còn chung sống như vợ chồng. Về con chung: Ông M, bà Đ có 03 con chung là Nguyễn Trần Thành H, Nguyễn Trần Thành N1, Nguyễn Trần Thành N hiện đang sống với bà Đ.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không có mặt tại Tòa án.

### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:*

Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Trần Thành H sinh ngày 14/11/2008, Nguyễn Trần Thành N1 sinh ngày 19/10/2009, Nguyễn Trần Thành N sinh ngày 22/5/2018, đề nghị giao 03 con chung cho bà Trần Thị Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng và chia tài sản chung, tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng và chia tài sản chung. Về nợ chung, không có nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Tiến M và tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung do đó Tòa án thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã V1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Tiến M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và biên bản xác minh tại địa phương thì từ năm 2021 ông M ngoại tình với người phụ nữ khác nên bà Đ ông M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn chung sống như vợ chồng hơn 01 năm nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đ yêu cầu ly hôn ông M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông M đến giải quyết nhưng ông M không chấp hành, điều này chứng tỏ ông M không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Đ. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà Đ và ông M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông M có 03 con chung là Nguyễn Trần Thành H sinh ngày 14/11/2008, Nguyễn Trần Thành N1 sinh ngày 19/10/2009, Nguyễn Trần Thành N2 sinh ngày 22/5/2018, bà Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì 03 con chung hiện nay bà Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng; theo biên bản lấy lời khai Nguyễn Trần Thành H, Nguyễn Trần Thành N1 đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà Đ. Xét thấy yêu cầu của bà Đ là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ từ khi không còn chung sống như vợ chồng thì bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, nên giao 03 con chung cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng và chia tài sản chung theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu cấp dưỡng và chia tài sản chung; Hoàn trả cho nguyên

đơn số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Đ được ly hôn ông Nguyễn Tiến M.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Trần Thành H sinh ngày 14/11/2008, Nguyễn Trần Thành N1 sinh ngày 19/10/2009, Nguyễn Trần Thành N sinh ngày 22/5/2018 cho bà Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Tiến M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng và chia tài sản chung của nguyên đơn Trần Thị Đ.

Nguyên đơn được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu cấp dưỡng và chia tài sản chung theo khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Đ là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003395 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Tuy Phong. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
  - VKSND huyện Tuy Phong;
  - Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
  - UBND xã V1, huyện Tuy Phong
- (CNKH số 40 quyền số 01 ngày 08/7/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Vũ**